

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vương Hồng Giang;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Huy;
2. Bà Nguyễn Thị Nhung;
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân, Thư ký Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:* Bà Đinh Thị Hương Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 743/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, về "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Bích D**, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, phường ĐQ, TP. TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh **Dương Hồng T**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 20, phường PĐP, TP. TN, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D trình bày: Chị và anh Dương Hồng T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến vợ con, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được, không mang lại hạnh phúc không cho hai bên. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D xác định có hai con chung tên là Dương Khánh L, sinh ngày 21/01/2013 và Dương Phương T, sinh ngày 01/4/2015. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và không cho ai vay, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong các phiên hoà giải, bị đơn anh Dương Hồng T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và quá trình vợ chồng chung sống, anh T nhất trí với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bích D. Nay chị D xin ly hôn anh T nhất trí.

Về con chung: Anh T nhất trí với lời khai của chị D, nếu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D, anh T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Dương Phương T, sinh ngày 01/4/2015.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, như lời trình bày của chị D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân thành phố TN đã tiến hành lấy lời khai của cháu Dương Khánh L, sinh ngày 21/01/2013 và Dương Phương T, sinh ngày 01/4/2015 là con chung của chị D và anh T, hiện tại các con đã trên 07 tuổi. Tại bản tự khai của cháu L và cháu T trình bày, các con đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ đẻ là chị Nguyễn Thị Bích D.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị D được ly hôn với anh T; về con chung, giao hai con chung Dương Khánh L và Dương Phương T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung, không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T có hộ khẩu thường trú tại tổ 20, phường PDP, thành phố TN, tỉnh TN. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

Bị đơn anh Dương Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Dương Hồng T kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh TN, đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự quay trở về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái, nhưng chị D kiên quyết xin ly hôn, anh T cũng nhất trí, điều đó khẳng định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để giải phóng cho các bên đương sự, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D là phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có hai con chung Dương Khánh L, sinh ngày 21/01/2013 và Dương Phương T, sinh ngày 01/4/2015. Chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, anh T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng một con chung là cháu Dương Phương T. Hội đồng xét xử xét thấy, các con của anh T và chị D đều có nguyện vọng được sống với mẹ, hơn nữa cả hai cháu đều là con gái đang ở độ tuổi cần có sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ; chị D có thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị D chứng minh có thu nhập ổn định, mỗi tháng khoảng 13.500.000 đồng, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, cần giao hai con chung Dương Khánh L và Dương Phương T cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Hai bên đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích D. Chị Nguyễn Thị Bích D được ly hôn anh Dương Hồng T.

2. Về con chung: Giao hai con chung Dương Khánh L, sinh ngày 21/01/2013 và Dương Phương T, sinh ngày 01/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Bích D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Dương Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000437 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. TN;
- TAND tỉnh TN;
- THADS TP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Hồng Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Hồng Giang

Nơi nhận:

- VKSND TP. TN;
- TAND tỉnh TN;
- THADS TP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Hồng Giang

